

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC CƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: **2167**/QĐ-UBND

Đức Cơ, ngày **07** tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính quy định về việc lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện việc sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Báo cáo thẩm định số 353/BC – TCKH ngày 01 tháng 9 năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

- Tên dự án: Đầu tư hệ thống vệ sinh, nước sạch cho các trường học.
- Chủ đầu tư: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đức Cơ.
- Địa điểm xây dựng: Xã Ia Lang, xã Ia Din, Ia Dom, xã Ia Dok, xã Ia Kriêng, xã Ia Pnôn, xã Ia Nan, xã Ia Kla và thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ.
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế): 26/12/2019 đến 26/02/2020.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư :

Nguồn	Tổng mức đầu tư dự án được duyệt	Giá trị phê duyệt quyết toán	Đơn vị tính: Đồng Thực hiện	
			Số vốn đã thanh toán	Còn được thanh toán
1	2	3	4	5=3-4
Tổng số	3.350.000.000	2.498.275.000	2.498.275.000	0
1. Nguồn vốn đầu tư công	0	0	0	0
1.1 Ngân sách nhà nước	0	0	0	0
1.2 Nguồn vốn khác thuộc vốn đầu tư công				
2. Nguồn vốn khác: <i>Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu năm 2019</i>	3.350.000.000	2.498.275.000	2.498.275.000	0

2. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
1	2	3
Tổng số	3.350.000.000	2.498.275.000
1. Xây dựng	2.820.000.000	2.129.887.000
2. Quản lý dự án	70.833.000	56.666.000
3. Tư vấn	205.239.000	200.730.000
4. Chi phí khác	129.196.000	110.992.000
5. Dự phòng	124.732.000	0

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không

4. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
1	2	3	4	5
Tổng số			2.498.275.000	
1. Tài sản dài hạn (Tài sản cố định)			2.498.275.000	
2. Tài sản ngắn hạn				

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1. Được phép tắt toán nguồn và chi phí đầu tư là:

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	2	3
Tổng số	2.498.275.000	
1. Nguồn vốn đầu tư công	0	
1.1 Ngân sách nhà nước	0	
1.2 Nguồn vốn khác thuộc vốn đầu tư công	0	
2. Nguồn vốn khác: Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu năm 2019	2.498.275.000	

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 31/8/2021.

- Tổng nợ phải thu: Không

- Tổng nợ phải trả: Không

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: Đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1	2	3
Trường Mầm non Hoa Sen	62.574.000	
Trường Mầm non Bình Minh	164.366.000	
Trường Mầm non Vàng Anh	155.656.000	
Trường Mầm non Hoa Cúc	317.131.000	
Trường Mầm non Hoa Pơ Lang	163.730.000	
Trường Tiểu học Nguyễn Chí Thanh	148.080.000	
Trường Tiểu học Ngô Mỹ	297.076.000	
Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	151.907.000	
Trường Tiểu học Cù Chính Lan	63.151.000	
Trường Tiểu học Võ Văn Kiệt	146.892.000	
Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	164.321.000	
Trường TH và THCS Nguyễn Du	237.425.000	
Trường THCS Lý Tự Trọng	63.288.000	
Trường THCS Phan Bội Châu	63.805.000	
Trường THCS Quang Trung	298.873.000	
TỔNG CỘNG	2.498.275.000	

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đức Cơ có trách nhiệm bàn giao các hồ sơ có liên quan cho Hiệu trưởng các trường có tên tại Điều 3 phục vụ quản lý và sử dụng theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ;

- Các trường có tên tại Điều 3 được bàn giao tài sản có trách nhiệm quản lý và sử dụng có hiệu quả công trình; Thực hiện việc theo dõi sổ sách, lưu trữ, báo cáo tài sản theo chế độ kế toán hiện hành.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn Phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch; Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo; Hiệu trưởng các trường có tên tại Điều 3; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đức Cơ; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu VT-VP.



CHỦ TỊCH

Vũ Mạnh Định

Số: 253/BC-TCKH

Đức Cơ, ngày 01 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO

Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư hoàn thành
Công trình: Đầu tư hệ thống vệ sinh, nước sạch cho các trường học.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện.

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính quy định về việc lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện việc sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất;

Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND huyện về việc Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đầu tư hệ thống vệ sinh, nước sạch cho các trường học.

Căn cứ Biên bản đối chiếu giữa Tổ kiểm toán tại huyện Đức Cơ với các phòng: Giáo dục và Đào tạo; Tài chính – Kế hoạch ngày 21/7/2021.

Trên cơ sở Tờ trình số 61/TTr-PGDĐT ngày 18/5/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện về việc đề nghị thẩm tra quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình: Đầu tư hệ thống vệ sinh, nước sạch cho các trường học (Bổ sung Biên bản đối chiếu của Tổ kiểm toán ngày 26/7/2021; Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu ngày 31/8/2021 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng). Sau khi thẩm tra, Phòng Tài chính - Kế hoạch, báo cáo kết quả như sau:

I. Tóm tắt dự án

1. Tên dự án: Đầu tư hệ thống vệ sinh, nước sạch cho các trường học.
2. Mã số dự án:
3. Chủ đầu tư: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đức Cơ.
4. Cơ quan quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ.
5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu năm 2019.
6. Địa điểm đầu tư: Xã Ia Lang, xã Ia Din, Ia Dom, xã Ia Dơk, xã Ia Kriêng, xã Ia Pnôn, xã Ia Nan, xã Ia Kla và thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ.
7. Thời gian thực hiện dự án: 26/12/2019 đến 26/02/2020.
8. Tổng mức đầu tư xây dựng: 3.350.000.000 đồng.

9. Đơn vị tư vấn khảo sát lập báo cáo KTKT: Công ty TNHH tư vấn xây dựng và Thương mại Gia Hưng Phát.

10. Đơn vị giám sát thi công: Công ty TNHH tư vấn thiết kế XD Tấn Phong.

11. Đơn vị thi công: Công ty CP xây dựng Thiên Quân Gia Lai.

12. Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH MTV tư vấn và xây dựng Hoàng Thiên Hà.

13. Quy mô và quy cách xây dựng:

13.1. Trường Mầm non Hoa Sen (Xã Ia Lang):

* Giếng khoan: Chiều sâu giếng, $H=90m$.

* Đai nước: Diện tích xây dựng, $S=8,37m^2$; Chiều cao đai 6m; bồn nước bằng Inox, thể tích $02m^3$,

13.2. Trường Mầm non Bình Minh (Xã Ia Kriêng):

* Tường rào: Chiều dài tường rào, $L=38,0m$.

* Nhà sử dụng nước, sửa nhà vệ sinh.

- Nhà sử dụng nước: Diện tích xây dựng, $S=20,0m^2$.

- Sửa nhà vệ sinh: Diện tích xây dựng, $S=35,69m^2$

* Hệ thống lọc nước: Khung đỡ bồn hệ thống lọc nước làm bằng thép hình; Bồn nước bằng Inox, thể tích $1m^3$; Thiết bị lọc nước thiết kế đầy đủ.

13.3. Trường Mầm non Vàng Anh (Xã Ia Pnôn):

* Đai nước: Diện tích xây dựng, $S=8,37m^2$; Chiều cao đai 6m; bồn nước bằng Inox, thể tích $02m^3$,

* Nhà sử dụng nước: Diện tích xây dựng, $S=20,0m^2$; Chiều cao nền 0,3m; chiều cao đỉnh mái 3,6m.

* Hệ thống lọc nước: Khung đỡ bồn hệ thống lọc nước làm bằng thép hình; Bồn nước bằng Inox, thể tích $1m^3$; Thiết bị lọc nước thiết kế đầy đủ.

13.4. Trường Mầm non Hoa Cúc (Xã Ia Nan):

* Giếng khoan: Chiều sâu giếng, $H=100m$.

* Đai nước: Diện tích xây dựng, $S=8,37m^2$; Chiều cao đai 6m; bồn nước bằng Inox, thể tích $02m^3$.

* Nhà sử dụng nước: Diện tích XD, $S=20,0m^2$; Chiều cao nền 0,3m; chiều cao đỉnh mái 3,6m.

* Hệ thống lọc nước: Khung đỡ bồn hệ thống lọc nước làm bằng thép hình; Bồn nước bằng Inox, thể tích $1m^3$; Thiết bị lọc nước thiết kế đầy đủ.

13.5. Trường Mầm non Hoa Pơ Lang (Xã Ia Dom):

Giếng khoan: Chiều sâu giếng, $H=100m$.

13.6. Trường Tiểu học Nguyễn Chí Thanh (Xã Ia Dơk):

* Nhà vệ sinh: Diện tích xây dựng, $S=11,2m^2$, Chiều cao nền 0,2m; chiều cao đỉnh mái 3,0m.

* Đai nước: Diện tích xây dựng, $S=8,37m^2$; Chiều cao đai 6m; bồn nước bằng Inox, thể tích $02m^3$.

13.7. Trường Tiểu học Ngô Mây (Xã Ia Kla):

* Giếng khoan: Chiều sâu giếng, $H=90m$.

* Đài nước: Diện tích xây dựng, $S=8,37m^2$; Chiều cao đài 6m; bồn nước bằng Inox, thể tích $02m^3$.

* Nhà sử dụng nước: Diện tích xây dựng, $S= 20,0m^2$; Chiều cao nền 0,3m; chiều cao đỉnh mái 3,6m.

* Hệ thống lọc nước: Khung đỡ bồn hệ thống lọc nước làm bằng thép hình; Bồn nước bằng Inox, thể tích $1m^3$; Thiết bị lọc nước thiết kế đầy đủ.

13.8. Trường Tiểu học Phan Chu Trinh (Xã Ia Kla):

* Đài nước: Diện tích xây dựng, $S=8,37m^2$; Chiều cao đài 6m; bồn nước bằng Inox, thể tích $02m^3$.

* Nhà sử dụng nước: Diện tích xây dựng, $S= 20,0m^2$; Chiều cao nền 0,3m; chiều cao đỉnh mái 3,6m.

* Hệ thống lọc nước: Khung đỡ bồn hệ thống lọc nước làm bằng thép hình; Bồn nước bằng Inox, thể tích $1m^3$; Thiết bị lọc nước thiết kế đầy đủ.

13.9. Trường Tiểu học Cù Chính Lan (Xã Ia Nan):

Đài nước: Diện tích xây dựng, $S=8,37m^2$; Chiều cao đài 6m; bồn nước bằng Inox, thể tích $02m^3$.

13.10. Trường Tiểu học Võ Văn Kiệt (Xã Ia Dak):

Giếng khoan: Chiều sâu giếng, $H=90m$.

13.11. Trường Tiểu học Lê Quý Đôn (Xã Ia Lang):

Giếng khoan: Chiều sâu giếng, $H=90m$.

13.12. Trường Tiểu học Nguyễn Trãi (Xã Ia Dom):

Giếng khoan: Chiều sâu giếng, $H=100m$.

13.13 Trường TH – THCS Nguyễn Du (Xã Ia Kla):

* Giếng khoan: Chiều sâu giếng, $H=90m$.

* Nhà sử dụng nước: Diện tích xây dựng, $S= 20,0m^2$; Chiều cao nền 0,3m; chiều cao đỉnh mái 3,6m.

* Hệ thống lọc nước: Khung đỡ bồn hệ thống lọc nước làm bằng thép hình; Bồn nước bằng Inox, thể tích $1m^3$; Thiết bị lọc nước thiết kế đầy đủ.

13.14. Trường THCS Lý Tự Trọng (Xã Ia Kla):

Đài nước: Diện tích xây dựng, $S=8,37m^2$; Chiều cao đài 6m; bồn nước bằng Inox, thể tích $02m^3$,

13.15. Trường THCS Phan Bội Châu (Xã Ia Nan):

Đài nước: Diện tích xây dựng, $S=8,37m^2$; Chiều cao đài 6m; bồn nước bằng Inox, thể tích $02m^3$,

13.16. Trường THCS Quang Trung (Thị trấn Chư Ty):

* Nhà vệ sinh: Diện tích xây dựng, $S=36,0m^2$, Chiều cao đỉnh mái 3,0m.

* Đài nước: Diện tích xây dựng, $S=8,37m^2$; Chiều cao đài 6m; bồn nước bằng Inox, thể tích $02m^3$.

II. Phạm vi thẩm tra quyết toán:

Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thực hiện thẩm tra trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành do Chủ đầu tư cung cấp; Phòng Tài chính - Kế hoạch không kiểm tra thực tế tại hiện trường xây dựng công trình; không kiểm tra, đối chiếu tại đơn vị; không xác nhận nguồn gốc, số lượng, chủng loại vật tư được sử

A.C.N
HÒNG
CHÍNH
HOẠCH
CƠ-1.

dụng vào xây dựng công trình; không kiểm tra đối chiếu các hóa đơn vật liệu, nhân công, máy thi công đã sử dụng. Chủ đầu tư và đơn vị thi công chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng công trình và các hồ sơ, tài liệu đã cung cấp.

III. Kết quả thẩm tra:

1. Về hồ sơ pháp lý của dự án

- Hồ sơ được lập, thẩm định và phê duyệt đảm bảo các quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư xây dựng.

- Công tác lựa chọn nhà thầu cơ bản đảm bảo quy định tại Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu.

- Việc ký kết hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.

- Biên bản đối chiếu giữa Tổ kiểm toán tại huyện Đức Cơ, Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng Tài chính – Kế hoạch ngày 21/7/2021.

2. Nguồn vốn đầu tư của dự án

Đơn vị tính: đồng

ST T	Tên nguồn vốn	Được duyệt	Thực hiện
	Tổng cộng	3.350.000.000	2.498.275.000
1	Nguồn vốn đầu tư công		
1.1	Ngân sách nhà nước		
1.2	Nguồn vốn khác thuộc nguồn đầu tư công		
2	Nguồn vốn khác: Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu năm 2019	3.350.000.000	2.498.275.000

Tính đến thời điểm khóa sổ lập báo cáo quyết toán, vốn do Chủ đầu tư báo cáo và số liệu của cơ quan cấp phát thanh toán khớp đúng. Việc quản lý và sử dụng nguồn vốn trên đảm bảo theo quy định.

3. Chi phí đầu tư của dự án:

Đơn vị tính: đồng

S TT	Khoản mục chi phí	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị thẩm tra quyết toán	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
	Tổng số	2.498.275.000	2.498.275.000	0
1	Chi phí xây dựng	2.213.269.000	2.129.887.000	-83.382.000
2	Chi phí QLDA	56.666.000	56.666.000	0
3	Chi phí tư vấn	200.730.000	200.730.000	0
4	Chi phí khác	27.610.000	110.992.000	+83.382.000

4. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản:

Không

5. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Công trình thuộc chủ đầu tư quản lý	Công trình bàn giao cho đơn vị khác
	Giá trị công trình		2.498.275.000
1	Vốn đầu tư thành tài sản cố định.		2.498.275.000
2	Vốn đầu tư thành tài sản lưu động		

6. Tình hình công nợ

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng	Đã chi trả	Giá trị chấp nhận quyết toán	Phải thu, phải trả đến ngày lập BC quyết toán	
				Phải thu	Phải trả
1. Công ty TNHH tư vấn XD và Thương mại Gia Hưng Phát	Tư vấn KS lập BC KTKT	109.002.000	109.002.000		
2. Công ty CP xây dựng Thiên Quân Gia Lai	Thi công XL công trình	2.213.269.000	2.213.269.000	0	
3. Công ty TNHH tư vấn thiết kế XD Tấn Phong.	Giám sát thi công XD	72.361.000	72.361.000		
4. Công ty TNHH MTV tư vấn và xây dựng Hoàng Thiên Hà	Thẩm tra Báo cáo KTKT	12.605.000	12.605.000		
5. Công ty CP tư vấn thiết kế XD ARC	Lập HSYC và đánh giá HSDX	6.762.000	6.762.000		
6. Phòng Giáo dục và Đào tạo	QLDA	56.666.000	56.666.000		
7. Công ty Bảo Minh Gia Lai	Bảo hiểm công trình	4.230.000	4.230.000		
8. Phòng Kinh tế và HT	Chi phí kiểm tra CTNT	5.000.000	5.000.000		
9. Phòng Tài chính KH	Thẩm tra QT	18.380.000	18.380.000		
Tổng cộng		2.498.275.000	2.498.275.000	0	

Tình hình Nợ phải thu - Nợ phải trả đến ngày báo cáo thẩm tra quyết toán:

- Tổng nợ phải thu: Không

- Tổng nợ phải trả: Không



7. Việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận, kết quả điều tra của cơ quan pháp luật và cơ quan khác:

Căn cứ Biên bản đối chiếu giữa Tổ kiểm toán tại huyện Đức Cơ, Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng Tài chính – Kế hoạch ngày 21/7/2021; theo đó Tổ kiểm toán tại huyện Đức Cơ không có kiến nghị Chủ đầu tư đối với công trình này.

8. Nhận xét, đánh giá và kiến nghị:

a. Nhận xét, đánh giá:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện cơ bản đảm bảo các quy định của Chính phủ về quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chi phí đầu tư công trình, lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng, về ký kết hợp đồng, về quản lý chất lượng.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo chấp hành thời gian lập báo cáo quyết toán chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020.

b. Kiến nghị về giá trị quyết toán và xử lý các vấn đề khác:

- Đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo rút kinh nghiệm trong quá trình lập Báo cáo quyết toán vốn đầu tư đối với dự án nêu trên;

- Đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo theo dõi sổ sách, thực hiện chế độ kế toán đơn vị Chủ đầu tư theo quy định tại Thông tư số 79/2019/TT-BTC ngày 14/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng BQL dự án sử dụng vốn đầu tư công;

- Phòng Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm bàn giao các hồ sơ có liên quan cho Hiệu trưởng các trường nêu tại mục 13 phần I phục vụ quản lý và sử dụng công trình; tổ chức lập 01 bộ hồ sơ dự án phục vụ quản lý, vận hành và bảo trì công trình theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ; gửi quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành đến Kho bạc Nhà nước để làm thủ tục tắt toán dự án sau khi được phê duyệt;

- Giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán: 2.498.275.000 đồng (Hai tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu, hai trăm, bảy mươi lăm ngàn đồng y).

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, phê duyệt./.

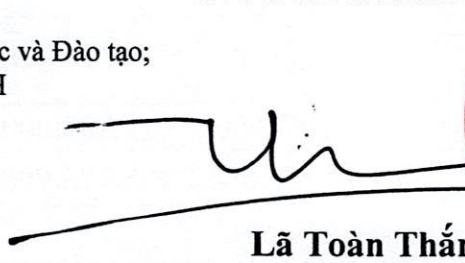
Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu VT-TCKH

NGƯỜI THẨM TRA

KT. TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Lê Toàn Thắng

Nguyễn Văn Minh Tuệ